

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2017

Về: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

**** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Luân

**** Các hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Lý Xuyên

2. Bà Võ Thị Diệu Thảo

**** Thư ký ghi biên bản:*** Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017 về **“Ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự::

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T** - sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thành T** - sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Thành T tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã T, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 28/12/2004. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc vì không hợp tính tình, bất đồng trong cuộc sống nên cãi vã, xác phạm đến nhau. Cuộc sống giữa hai vợ chồng căng thẳng từ năm 2012 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không hàn gắn được

nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Thành T có 03 con chung là: Nguyễn Thành T - sinh ngày 06/9/2003, Nguyễn Ngọc T - sinh ngày 25/7/2006, Nguyễn Ngọc H - sinh ngày 04/3/2012. Hiện nay các cháu Nguyễn Thành T, Nguyễn Ngọc M đang sống với ông T, cháu Nguyễn Ngọc H đang sống với bà. Bà yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H, giao các cháu Nguyễn Thành T, Nguyễn Ngọc T cho ông Nguyễn Thành T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà và ông T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Thành T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành T.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Thành T tự nguyện kết hôn vào năm 2004 và được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 28/12/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì không tôn trọng, không có trách nhiệm với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, sống với nhau không có hạnh phúc. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt không hàn gắn được. Xét thấy tình trạng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu của bà T được ly hôn ông T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Thành T có 03 con chung là các cháu: Nguyễn Thành T - sinh ngày 06/9/2003; Nguyễn Ngọc T - sinh ngày 25/7/2006; Nguyễn Ngọc H - sinh ngày 04/3/2012. Bà T yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H, giao các cháu Nguyễn Thành T, Nguyễn Ngọc T cho ông Nguyễn Thành T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà T và ông T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Xét thấy: Khi cha mẹ ly hôn việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của con. Hai cháu

Nguyễn Thành T và Nguyễn Ngọc T hiện nay đang sống với ông T, nguyện vọng của các cháu muốn được sống với bố. Ông T cũng có đủ điều kiện nuôi con. Còn cháu Nguyễn Ngọc H đang sống với bà T, hiện cháu còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ, bà T cũng có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, yêu cầu của bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc H, giao các cháu Nguyễn Thành T, Nguyễn Ngọc T cho ông Nguyễn Thành T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà T và ông T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Bà Lê Thị T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T. Bà Lê Thị T được ly hôn ông Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Bà Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Ngọc H - sinh ngày 04/3/2012. Ông Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các cháu Nguyễn Thành T - sinh ngày 06/9/2003; Nguyễn Ngọc T - sinh ngày 25/7/2006. Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Thành T không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

* Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0011569 ngày 27/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C; như vậy, bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thành T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. C;
- CCTHADS Tp. C;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Luân